

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS- ST

Ngày: 24-9-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin và ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng- Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-DS ngày 06/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu dân cư (KDC) N, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: + Ông Trần Xuân N, sinh năm 1977; địa chỉ: KDC T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: KDC T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Số 184/2 Dương Quảng H, phường 5, quận G, TP. Hồ Chí Minh- Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề N xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1997; đều có địa chỉ: KDC N, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan: Ông Bùi Văn D, sinh năm 19676; địa chỉ: Số 15 ngách 32/47, phố A, phường Y, quận T, TP. Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi liên quan là anh Nguyễn Đình C và

chị Nguyễn Thị Thu H2 do người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Văn D trình bày như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Đình K, bà Nguyễn Thị H1 và vợ chồng ông Trần Xuân N, bà Bùi Thị L có quan hệ quen biết xã hội. Do đó vào 21/5/2019, ông K và bà H1 có cho ông N và bà L vay số tiền 650.000.000 đồng. Khi vay ông N và bà L có viết “Giấy biên nhận” với nội dung: Ông N và bà L có vay của vợ chồng ông K, bà H1 số tiền 650.000.000 đồng. Bà L là người viết Giấy biên nhận tại nhà ông K, bà H1 ở KDC N, phường A, thị xã K. Sau khi viết xong, ông N và bà L đã ký vào giấy và đưa cho ông K, bà H1 giữ. Trong Giấy biên nhận không ghi lãi suất vay nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận bằng miệng là sẽ tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng. Hai bên cũng chỉ thỏa thuận như vậy, chưa nói rõ Ngân hàng nào. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Khi hỏi vay tiền và giao nhận tiền thì chỉ có vợ chồng ông K, bà H1 và vợ chồng ông N, bà L biết, không có ai chứng kiến sự việc. Khi vay tiền thì ông N và bà L nói vay để lấy vốn làm ăn.

Sau khi vay tiền, ông N và bà L vẫn liên lạc với ông K, bà H1 cho đến khi ông K chết (ngày 28/8/2022) thì bà H1 không liên lạc được với ông N và bà L nữa. Hiện bà H1 không biết ông N và bà L đang làm gì, ở đâu.

Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu ông N và bà L phải có trách nhiệm trả nợ cho bà và các con của bà và ông K là Nguyễn Đình C và Nguyễn Thị Thu H2 số tiền gốc là 650.000.000 đồng. Về lãi bà và các con không yêu cầu ông N và bà L phải trả lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà có quan hệ quen biết xã hội với ông K và bà H1. Do đó, vào ngày 21/5/2019 bà và chồng là ông Trần Xuân N có vay của ông K và bà H1 số tiền 650.000.000 đồng. Khi vay bà có viết “Giấy biên nhận” với nội dung: Tôi Bùi Thị L và Trần Xuân N có vay của ông bà Nguyễn Đình K và Nguyễn Thị H1 số tiền là 650.000.000 đồng. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi viết thì bà và ông N đã ký vào Giấy biên nhận đó. Bà viết Giấy biên nhận và nhận tiền tại nhà ông K, bà H1 ở KDC N, phường A, thị xã K. Trong Giấy biên nhận không ghi lãi suất vay và không ghi thời hạn trả nợ. Thực tế, bà cũng đã trả một ít tiền lãi cho ông K, bà H1 nhưng bà không còn nhớ là bao nhiêu và cũng không còn tài liệu gì để cung cấp. Khi hỏi vay tiền và giao nhận tiền thì chỉ có hai bên, không có ai chứng kiến sự việc.

Sau khi vay tiền, bà dùng số tiền đó vào việc làm ăn kinh tế nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho ông K, bà H1. Ông K, bà H1 cũng đã đòi bà một vài lần nhưng bà đã khát chưa trả được.

Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu bà và ông N phải trả tiền, bà hoàn toàn nhất trí trả cho bà H1 và các con của ông K, bà H1 số tiền 650.000.000 đồng. Bà H1 không yêu cầu phải trả lãi, bà cũng nhất trí nhưng bà đề N cho bà thời gian đi làm ăn để có tiền trả nợ cho bà H1 vì hiện nay bà và ông N không còn tài sản gì.

Bà đã được Tòa án cho xem Giấy biên nhận ngày 21/5/2019 do bà H1 cung

cấp cho Tòa án, bà xác định đúng giấy này là do bà viết. Bà và ông N cùng ký vào giấy này. Bà nhất trí với Kết luận giám định ngày 02/8/2024 của Công an thành phố Hải Phòng.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn ông Trần Xuân N trình bày:

Ông không biết bà H1 là ai. Ông có biết ông K qua bà L nhưng cũng không chơi bời hay qua lại gì. Ông không vay mượn tiền của ông K hay bà H1. Ông được Tòa án cho xem Giấy biên nhận đề ngày 21/5/2019. Trong giấy có chữ ký Bùi Thị L và Trần Xuân N ở dưới. Nhưng ông xác định, ông và bà L không vay tiền của ông K, bà H1, còn chữ ký tại Giấy biên nhận ông chưa xác định được có phải là chữ ký của mình hay không. Ông cũng chưa bao giờ vay tiền của ông K, bà H1 và cũng chưa bao giờ vay ai số tiền lớn như vậy.

Tại phiên tòa:

Người đại diện của nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày nêu trên. Yêu cầu ông N và bà L phải trả số tiền 650.000.000 đồng cho bà H1, anh C và chị H2.

Bà L và ông N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468, 469, 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí, chi phí tố tụng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện tham gia phiên tòa; bị đơn bà Bùi Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông N vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Xuân N và bà Bùi Thị L phải trả cho bà và các con là anh Nguyễn Đình C và chị Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 650.000.000 đồng mà ông N và bà L đã vay vào ngày 21/5/2019. Bà H1 trình bày, bà có quan hệ quen biết xã hội với ông N và bà L. Do là chỗ quen biết như vậy nên bà và ông K đã cho ông N và bà L vay tiền. Bà L đã viết “Giấy biên nhận” và bà và ông N đã ký tại mục người vay tiền. Trong giấy vay, không ghi lãi suất vay nhưng hai bên có thỏa thuận có trả lãi. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay mà khi nào có thì trả.

[2.2] Bà H1 xuất trình 01 Giấy biên nhận với nội dung: “Tên tôi là: Bùi Thị L + Trần Xuân N có vay của ông bà: Nguyễn Đình K + Nguyễn Thị H1 số tiền là: 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn) nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pl. A 21/5/2019 (Dương)”. Tại mục người vay tiền có chữ ký và chữ viết Bùi Thị L và Trần Xuân N. Bà H1 yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông N và bà L tại Giấy biên nhận này.

[2.3] Bị đơn ông Trần Xuân N xác định ông và bà L không vay tiền của ông K và bà H1. Ông không xác định được chữ ký “Trần Xuân N” tại Giấy biên nhận có phải chữ ký của mình hay không.

[2.3] Đồng bị đơn bà Bùi Thị L xác nhận vào 21/5/2019 bà và ông N có vay của ông K và bà H1 số tiền 650.000.000 đồng. Khi vay bà có viết Giấy biên nhận với nội dung như nêu trên. Sau khi viết thì bà và ông N đã ký vào Giấy biên nhận đó. Trong Giấy biên nhận không ghi lãi suất vay và không ghi thời hạn trả nợ. Thực tế, bà cũng đã trả một ít lãi cho ông K, bà H1 nhưng bà không còn nhớ là bao nhiêu và cũng không còn tài liệu gì để cung cấp. Giấy biên nhận bà H1 cung cấp cho Tòa án bà xác định đúng là Giấy biên nhận mà bà đã viết. Sau khi vay tiền, bà dùng số tiền đó vào việc làm ăn kinh tế nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho ông K, bà H1. Ông K, bà H1 cũng đã đòi bà một vài lần nhưng bà đã khát chưa trả được. Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu bà và ông N phải trả tiền, không yêu cầu trả lãi, bà hoàn toàn nhất trí. Bà chỉ đề nghị cho bà thời gian để đi làm ăn, có tiền trả nợ vì hiện nay bà và ông N không còn tài sản gì.

[2.4] Tại Kết luận giám định số 2190/KL-KTHS ngày 02/8/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Xuân N dưới mục “A 21/5/2019 Dương” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Xuân N trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M5, M6 do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thị L dưới mục “A 21/5/2019 Dương” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết ra.

[2.5] Như vậy ông N trình bày không vay tiền của bà H1, ông K. Tuy nhiên lời trình bày của bà L phù hợp với lời khai của bà H1, phù hợp với Kết luận giám định số 2190/KL-KTHS ngày 02/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hải Phòng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được. Do vậy có

đủ căn cứ xác định ông N và bà L có vay của bà H1 và ông K số tiền 650.000.000 đồng vào ngày 21/5/2019. Hợp đồng vay tiền giữa hai bên không xác định thời hạn vay nhưng bà H1 và bà L đều xác định ông K và bà H1 đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông N, bà L chưa có tiền trả. Do vậy nay ông N và bà L phải có trách nhiệm trả nợ. Bà H1 và bà L xác định khi hai bên giao dịch cho nhau vay tiền có thỏa thuận miệng về tiền lãi nhưng chưa xác định cụ thể. Nay bà H1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét về lãi suất.

[2.6] Ông K đã chết ngày 28/8/2022. Ông K và bà H1 có 02 con chung là anh Nguyễn Đình C và chị Nguyễn Thị Thu H2. Bà H1, anh C và chị H2 đều xác định số tiền cho ông N và bà L vay là tài sản chung của ông K và bà H1, đến nay di sản thừa kế của ông K chưa chia. Theo Điều 609 Bộ luật Dân sự quy định “Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật...”. Do vậy anh C và chị H2 có quyền thừa kế đối với di sản của ông K để lại. Bà H1 yêu cầu ông N và bà L trả nợ cho bà, anh C và chị H2 là có cơ sở chấp nhận nên cần buộc ông N và bà L phải trả tiền cho bà H1, anh C và chị H2.

[2.7] Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H1.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí giám định: Bà H1 yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông N và bà L. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà H1 là có căn cứ. Việc giám định là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Bà H1 đã nộp tạm ứng 3.570.000 đồng và chi xong. Do vậy cần buộc ông N và bà L phải trả bà H1 số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468, 469, 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1.

Buộc ông Trần Xuân N và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Đình C và chị Nguyễn Thị Thu H2 số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí: Trả lại bà Nguyễn Thị H1 13.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà H1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000081 ngày 02/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

Ông Trần Xuân N và bà Bùi Thị L phải chịu 30.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Xuân N và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 3.570.000 đồng chi phí giám định chữ viết và chữ ký.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về quyền kháng cáo: Báo Nguyên đơn và Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết